TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **123**/2019/DS-PT
Ngày: 11 – 11 – 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa

Bà Đinh Thị Quý Chi

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thụ lý số: 132/2019/DSPT ngày 18/10/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị B: Bà Phạm Thị Cẩm B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/10/2019 tại Văn phòng công chứng H).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

Do quan hệ quen biết và là hàng xóm nên từ năm 2010 bà H nhiều lần vay tiền của người khác cho bà B vay lại, các khoản tiền gồm: lần 1: 40.000.000đ; lần 2: 22.000.000đ; lần 3: 20.080.000đ; lần 4: 23.760.000đ; lần 5: 20.000.000đ; lần 6: 31.500.000đ; lần 7: 20.000.000đ; lần 8: 22.500.000đ; lần 9: 10.300.000đ; lần 10: 20.000.000đ; lần 11:23.000.000đ. Tổng cộng 253.080.000đ. Các khoản vay này bà H ghi trong sổ nợ để theo dõi, không ghi ngày tháng nên không nhớ cho vay nào. Bà B đã trả tiền nhiều lần cho bà H được 59.140.000đ, bà B có ký xác nhận còn nợ lại 193.940.000đ.

Do bà H đứng ra vay tiền của người khác cho bà B vay lại, bà B đã đóng lãi trong hai năm 2010 và 2011, bà H dùng tiền lãi bà B đóng trả cho người cho bà H vay tiền nên đến nay không nhớ được tổng tiền lãi là bao nhiêu. Từ năm 2012 đến nay bà B không đóng lãi. Ngày 16/4/2012 bà B đến nhà nói bà H cộng trừ tiền nợ và tiền đã trả rồi viết lại giấy nợ mới, tuy nhiên khi bà H nhờ con gái là Lê Thị T viết giấy nợ mới thì bà B không ký mà bỏ về, khi đi ra đến cổng thì bà B quay lại nói bà H đưa sổ cho bà B gạch giấy nợ cũ, hai ba ngày nữa bà sang ký giấy nợ mới, do tin tưởng nên bà H đồng ý cho bà B gạch sổ. Tuy nhiên, sau đó nhiều lần bà H nhắc nhưng bà B không đồng ý ký giấy nợ mới. Do vậy, bà H ghi thêm vào giấy nợ cũ nội dung "Giấy cũ sang tính ngày 16/4/2012 chưa ký giấy mới" và giữ lại để làm căn cứ đòi tiền của bà B.

Bà H yêu cầu bà B trả tiền nợ gốc là 193.940.000đ (Một trăm chín mươi ba triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2012 đến ngày nộp đơn khởi kiện với mức lãi suất là 1%/tháng là 90.719.000đ (Chín mươi triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng). Từ sau ngày nộp đơn khởi kiện bà H không yêu cầu bà B trả lãi nữa.

Bị đơn Phạm Thị B trình bày:

Từ năm 2010 bà B có nhờ bà H vay tiền nhiều lần, không nhớ rõ tổng cộng bao nhiêu; bà B trả nhiều lần đến khoảng năm 2012 thì còn nợ lại 193.940.000đ, bà B có ký xác nhận số nợ này. Năm 2012 khi bà B nghỉ việc công nhân tại đội 4 nông trường Xa Trạch công ty cao su Bình Long thì được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc, tiền bảo hiểm xã hội trả một lần, ngoài ra bà B còn dành dụm khoản tiền thai sản năm 2010, tiền thưởng của công nhân cuối năm để trả hết 193.940.000đ cho bà H vào ngày 16/4/2012. Lúc đó bà B đòi lấy lại giấy nợ nhưng bà H nói chỉ cần gạch bỏ là được vì xé sẽ mất những tờ giấy khác, do vậy, sau khi đếm đủ tiền

chị Lê Thị T con gái bà H là người gạch sổ nợ. Vì bà B đã trả hết nợ nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST *ngày* 29-8-2019 *của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:*

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các điều 471,474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2019, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà Phạm Thị B trả cho bà H số tiền 193.940.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Về án phí, chi phí tố tụng khác và nghĩa vụ thi hành án, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H đúng hình thức, đầy đủ nội dung và trong thời hạn kháng cáo nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất từ năm 2010 bà B nhiều lần nhờ bà H vay tiền, do quan hệ thân thiết nên bà H đồng ý đi vay của người khác để cho bà B vay lại tổng cộng 253.080.000đ. Bà B trả tiền cho bà H

nhiều lần được tổng số tiền 59.140.000đ. Hai bên đã chốt số nợ lại bà bà B còn nợ bà H số tiền 193.940.000đ.

Bà H cho rằng bà B chưa trả 193.940.000đ nên khởi kiện đòi tiền với căn cứ là 01 tờ giấy nợ có nhiều dấu mực gạch xóa. Bà H lý giải việc giấy nợ bị gạch xóa như sau: Ngày 16/4/2012 sau khi cùng nhau cộng trừ nợ, chốt số tiền còn lại là 193.940.000đ, bà B yêu cầu bà H viết giấy nợ mới thay cho giấy cũ nhưng khi viết xong bà B lại không chịu ký tên mà bỏ về, khi ra đến cổng thì bà B quay lại yêu cầu đưa sổ để gạch giấy nợ cũ và hẹn hai ba ngày sau qua ký tên, bà H đồng ý nên tự đưa sổ cho bà B gạch giấy nợ cũ.

Bà B thì cho rằng không có việc bà B yêu cầu viết giấy nợ mới như bà H trình bày, vì ngày 16/4/2012 là ngày bà trả hết nợ cho bà H, chị Lê Thị T con gái bà H sau khi đếm đủ 193.940.000đ đã trực tiếp gạch sổ nợ cho bà B; Hơn nữa, nếu bà B không trả tiền hoặc không ký giấy nợ khác thì không bao giờ bà H gạch sổ nợ.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Trong quá trình vay mượn giữa bà H và bà B thì hai bên đều làm giấy tờ ghi rõ ràng, cụ thể về ngày tháng năm, số tiền vay nhưng bà H cho rằng ngày 16/4/2012 sau khi hai bên chốt số tiền nợ và viết giấy nợ mới bà B chưa ký vào giấy nợ mới mà đã cho bà B gạch đi giấy nợ cũ là không phù hợp với thực tế khách quan. Mặt khác, bà H là người giữ giấy nợ nên có quyền chủ động trong việc có cho gạch sổ nợ hay không, nếu bà B không ký giấy nợ mới thì bà H có quyền không cho gạch giấy nợ cũ. Hơn nữa lời trình bày của bà H cũng không được bà B thừa nhận. Do vậy lời trình bày của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngoài ra, lời khai của chị T xác định chị là người viết giấy nợ mới cho bà B nhưng không phải là người gạch sổ nợ, chị T không chứng kiến bà B gạch sổ mà chỉ nghe bà H nói lại. Xét thấy lời khai của chị T và việc làm chứng của chị là không khách quan bởi lẽ chị T là người có mối quan hệ thân thích với nguyên đơn (chị T là con gái ruột của bà H) nên việc làm chứng này không đảm bảo tính khách quan vụ án.

Nguyên đơn bà Lê Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Lê Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 471,474 Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H chịu 14.232.950đ (Mười bốn triệu hai trăm ba mươi hai ngày chính trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 7.116.000đ (Bảy triệu một trăm mười sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005269 ngày 11/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Bà Lê Thị H còn phải đóng thêm 7.116.950đ (Bảy triệu một trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị H phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0001548 ngày 13/92019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Viết Hùng